

Số: 725/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chương trình đào tạo định hướng ứng dụng,
trình độ đại học (Chương trình chuẩn)
Ngành Công nghệ tài chính – Mã ngành: 7340205**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-ĐHTCM ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo định hướng ứng dụng trình độ đại học của Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học và Trưởng khoa Tài chính – Ngân hàng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng trình độ đại học (Chương trình chuẩn), Ngành Công nghệ tài chính – Mã ngành:



7340205.

Điều 2. Chương trình đào tạo được quy định tại Điều 1 được áp dụng, thực hiện cho các khóa tuyển sinh từ năm 2023.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý Khoa học, Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Trưởng khoa Tài chính – Ngân hàng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLKH.



PGS.TS Phạm Tiến Đạt



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 725/QĐ-ĐHTCM, ngày 17 tháng 3 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

- Tên chương trình (tiếng Việt): Công nghệ tài chính – chương trình chuẩn
- Tên chương trình (tiếng Anh): Fintech
- Trình độ đào tạo: Cử nhân
- Ngành đào tạo: Công nghệ tài chính Mã ngành: 7340205
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng
- Hình thức đào tạo: Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1 Mục tiêu chung:

Mục tiêu của chương trình tập trung vào việc đào tạo sinh viên theo định hướng nghiên cứu Ngành Công nghệ tài chính. Sinh viên ngành Công nghệ tài chính sau khi tốt nghiệp có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, kiến thức lý thuyết về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, kiến thức nền tảng cơ bản về khoa học dữ liệu và máy tính. Ngoài ra, sinh viên có nền tảng nghiên cứu tốt, có thể học thêm cao học, nghiên cứu sinh để tham gia công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng trong nước và quốc tế. Chương trình sẽ đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực Tài chính công nghệ làm việc trong các tổ chức kinh tế, đáp ứng cho nhu cầu của thị trường lao động trong xu thế hội nhập quốc tế.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

+ Về kiến thức

- PO1: Vận dụng được những kiến thức công nghệ thông tin, khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, và các kiến thức cơ sở ngành vào lĩnh vực Công nghệ tài chính.
- PO2: Phân tích được những lý thuyết kinh tế vào lĩnh vực Công nghệ tài chính.
- PO3: Phân tích được chính sách và những vấn đề thực tiễn chuyên môn sâu có liên quan đến lĩnh vực Công nghệ tài chính.

+ Về kỹ năng:

- PO4: Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và các kỹ năng lập luận, vận dụng các kiến thức chung nền tảng vào giải quyết các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực Công nghệ tài chính.
- PO5: Có khả năng sử dụng các phương pháp, công cụ, nghiệp vụ phù hợp của ngành Công nghệ tài chính để có thể giải quyết các công việc chuyên môn trong thực tiễn. Có khả năng cập nhật kiến thức mới, tinh thần học tập suốt đời nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.

+ Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- PO6: Có ý thức về đạo đức, trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp, cũng

như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia.

- PO7: Có đủ năng lực làm việc trong môi trường chuyên nghiệp chuyên sâu và chịu trách nhiệm đối với các quyết định của cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Với kiến thức về ngành tài chính, sinh viên khi ra trường có thể làm việc ở các bộ phận khác nhau trong ngân hàng thương mại, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm ...

Đồng thời, với thế mạnh về công nghệ sinh viên có trở thành các kỹ sư phần mềm hay các chuyên gia phân tích dữ liệu, phân tích tài chính trong các công ty các sản phẩm công nghệ tài chính dựa trên nền tảng blockchain, trí tuệ nhân tạo (AI)

Ngoài ra, các sinh viên tốt nghiệp có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu hay làm công tác giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA:

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên đạt tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

+ Về kiến thức

- PLO1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, và các kiến thức cơ sở ngành.

- PLO2: Vận dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản phục vụ công việc thuộc ngành được đào tạo.

- PLO3: Phân tích được các lý thuyết và những nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực Công nghệ tài chính và ứng dụng được trong thực tiễn của nền kinh tế - xã hội.

- PLO4: Phân tích được chính sách và các vấn đề thực tiễn chuyên môn sâu trong lĩnh vực Công nghệ tài chính.

+ Về kỹ năng:

- PLO5: Vận dụng được các kiến thức về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật và các kiến thức cơ sở ngành trong việc đánh giá, phân biện các vấn đề trong công việc.

- PLO6: Sử dụng tiếng Anh thành thạo đạt trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- PLO7: Có kỹ năng thực hiện các phân tích để hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên ngành trong lĩnh vực Công nghệ tài chính.

- PLO8: Có kỹ năng quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực Công nghệ tài chính trong thực tiễn.

+ Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

- PLO9: Có niềm tin, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

- PLO10: Có thể làm việc độc lập, hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Thời gian học tập tối đa: 7 năm.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 120 tín chỉ, không kể chương trình Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

6.1 Quy trình đào tạo: đào tạo theo tín chỉ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Tài chính – Marketing.

6.2 Địa điểm đào tạo: Các cơ sở đào tạo thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing

6.3 Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): Không

6.4 Điều kiện tốt nghiệp:

- **Điều kiện về tích lũy và điểm các học phần:** Thực hiện theo Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ, Quyết định 1421/QĐ-ĐHTCM ngày 30/5/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ và Quyết định số 2033/QĐ-ĐHTCM ngày 08/8/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 1329/QĐ-ĐHTCM, Quyết định số 1421/QĐ-ĐHTCM và Quyết định số 1351/QĐ-ĐHTCM ngày 26/7/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học.

- **Điều kiện về kỹ năng mềm:**

Sinh viên phải có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn (hoặc điểm đạt) tích lũy 3/6 kỹ năng mềm sau đây:

- Kỹ năng Tư duy sáng tạo
- Kỹ năng Tổ chức công việc và quản lý thời gian
- Kỹ năng Thuyết trình hiệu quả
- Kỹ năng Giao tiếp trong môi trường làm việc
- Kỹ năng Hoạch định nghề nghiệp và tìm việc làm
- Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định

- **Điều kiện về ngoại ngữ:**

Năm tuyển sinh	KNLNN 6 bậc Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	IELTS	TOFEL (PBT/CBT/ iBT)	TOEIC	
					02 kỹ năng	04 kỹ năng
2022, 2023	3/6	B1	4.5	477/153/53	Nghe & Đọc: 500	Nghe & Đọc: 500 Nói & Viết: 220
2024, 2025	3/6	B1	5.0	500/173/61	Nghe & Đọc: 550	Nghe & Đọc: 550 Nói & Viết: 240

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
a. Kiến thức lý luận chính trị: 11 tín chỉ									
1	011134	Triết học Mác – Lênin	3	2	1	0	0	105	
2	011135	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	1	1	0	0	70	
3	011136	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1	1	0	0	70	
4	011137	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1	1	0	0	70	
5	010016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1	1	0	0	70	
b. Kiến thức pháp luật: 3 tín chỉ									
6	010018	Pháp luật đại cương	3	2	1	0	0	105	
c. Ngoại ngữ: 12 tín chỉ									

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
7	011270	Tiếng Anh tổng quát 1	3	2	1	0	0	105	
8	011271	Tiếng Anh tổng quát 2	3	2	1	0	0	105	
9	011272	Tiếng Anh tổng quát 3	3	2	1	0	0	105	
10	011273	Tiếng Anh tổng quát 4	3	2	1	0	0	105	
d. Toán – Tin học: 8 tín chỉ									
11	010025	Toán cao cấp	4	3	1	0	0	140	
12	011322	Tin học ứng dụng	4	1	2	0	1	125	
e. Chương trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh: (không tính vào tổng khối lượng chương trình đào tạo)									
f. Chương trình Giáo dục thể chất: (không tính vào tổng khối lượng chương trình đào tạo)									

9.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 80 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)	
a. Kiến thức cơ sở ngành: 21 tín chỉ									
13	010031	Kinh tế vi mô 1	3	2	1	0	0	105	
14	010032	Kinh tế vĩ mô 1	3	2	1	0	0	105	
15	010038	Nguyên lý kế toán	3	2	1	0	0	105	
16	010630	Nguyên lý marketing	3	2	1	0	0	105	
17	010033	Quản trị học	3	2	1	0	0	105	
18	010873	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	3	2	1	0	0	105	
19	011140	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	3	2	1	0	0	105	
b. Kiến thức ngành: 29 tín chỉ									
Học phần bắt buộc									
20	011672	Cơ sở dữ liệu	3	2	0	1	0	90	
21	011673	Cơ sở lập trình	3	2	0	1	0	90	

[illegible]

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú	
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, PMP, DN	Tự học (giờ)		
d. Kiến thức bổ trợ ngành: 6 tín chỉ										
38a	010844	Công nghệ Tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử (E-payment system & Cryptocurrency Technologies)	3	2	1	0	0	105	Chọn 1 trong 2 học phần	
38b	011210	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	3	2	1	0	0	105		
39	011291	Sáng tạo và khởi nghiệp trong Fintech	3	2	1	0	0	105		

9.3 Tốt nghiệp: 6 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (số tín chỉ)					Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	TH tại PM, MP, DN	Tự học (giờ)	
40a	011689	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	0	6	120	
Hoặc									
40b1	011690	Thực tập cuối khóa	3	0	0	0	3	60	
40b2	011688	Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính	3	0	0	0	3	60	

Trong đó: số tín chỉ lý thuyết 96 tín chỉ, thực hành 24 tín chỉ, số tín chỉ thực hành chiếm 20%. (Giáo dục đại cương: 1; Ngành:8, Chuyên ngành:9, KLTN/TTCK và thay thế khóa luận: 6).

9.4 Kế hoạch giảng dạy:

Năm 1

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
-----	----------	----	--------------------	---------

1	Triết học Mác – Lênin	3		
2	Kinh tế vi mô 1	3		
3	Tiếng Anh tổng quát 1	3		
4	Toán cao cấp	4		
5	Giáo dục quốc phòng	8		
6	Giáo dục thể chất	1		
7	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Triết học Mác – Lênin	
8	Pháp luật đại cương	3		
9	Tiếng Anh tổng quát 2	3		
10	Quản trị học	3		
11	Kinh tế vĩ mô 1	3		
12	Nguyên lý Marketing	3		
13	Nguyên lý kế toán	3		
14	Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	3		
15	Tin học ứng dụng	4		
16	Giáo dục thể chất	1		
Tổng cộng (Không kể giáo dục quốc phòng và thể chất)		40		

Năm 2

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
2	Tiếng Anh tổng quát 3	3		
3	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	3		
4	Kinh tế lượng	3		
5	Tiền số và công nghệ	3	Tiền tệ, Ngân hàng và	

	blockchain		Thị trường tài chính 1	
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
7	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	3	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
8	Cơ sở dữ liệu	3		
9	Tiếng Anh tổng quát 4	3		
10	Tài chính doanh nghiệp 1	3	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
11	Giáo dục thể chất	1		
12	Cơ sở lập trình	3		
13	Phân tích dữ liệu với Python	3		
14	Ngân hàng thương mại	3	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
15	Tài chính quốc tế	3	Tài chính doanh nghiệp 1	
16	Đạo đức nghề nghiệp trong Fintech	2		
17	Giáo dục thể chất	1		
Tổng cộng (Không kể giáo dục thể chất)		42		

Năm 3

STT	HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
2	Công nghệ Tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử (E-payment system & Cryptocurrency Technologies)	3		Chọn 1 trong 2
	Phát triển hệ thống thương mại điện tử			

3	Sáng tạo và khởi nghiệp trong Fintech	3		
4	Thực hành nghề nghiệp 1	3		
5	Thực hành nghề nghiệp 2	3		
6	Dữ liệu lớn và khai thác dữ liệu	3		
7	Quản trị rủi ro tài chính	3	Tài chính doanh nghiệp 1	
8	Phân tích Tài chính doanh nghiệp	3	Tài chính doanh nghiệp 1	
9	Ngân hàng số	3	Ngân hàng thương mại	Chọn 1 trong 2
	Công nghệ bảo hiểm		Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	
10	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính	3		Chọn 1 trong 2
	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính			
11	Máy học và trí tuệ nhân tạo (Fintech)	3		Chọn 1 trong 2
	Robotic Process Automation (Tự động hóa quy trình bằng robot)			
Tổng cộng		32		

Năm 4

STT	TÊN HỌC PHẦN	TC	HỌC PHẦN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Khóa luận tốt nghiệp	6	Tất cả các học phần chuyên ngành	
Hoặc				
2	Thực tập cuối khóa	3	Thực hành nghề nghiệp 1, 2	
3	Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính	3	Thực hành nghề nghiệp 1, 2	

						thực hành trên máy tính
8	Phòng đa năng (CS TNP A)	1	104	Máy chiếu	1	Phục vụ các học phần lý thuyết, thực hành
9	Phòng học thường (CS TXS)	2	180	Máy chiếu	1	Phục vụ các Học phần lý thuyết
10	Phòng Lab tiếng Anh (CS TXS)	3	270	Máy tính	147	Phục vụ các học phần tiếng Anh
11	Phòng thực hành CS TXS)	17	990	Máy tính	172	Phục vụ các học phần thực hành trên máy tính
12	Phòng học máy lạnh (CS TXS)	92	6.757	Máy chiếu	1	Phục vụ các Học phần lý thuyết
13	Phòng đa năng (CS TXS)	3	129	Máy chiếu	1	Phục vụ các học phần lý thuyết, thực hành
14	Phòng học máy lạnh (CS LT)	36	2.932			
15	Phòng thực hành CS LT)	4	Dự kiến 400			

❖ **Thư viện và học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)**

- Tổng diện tích thư viện: 2.080 m², trong đó có 1.300 m² là diện tích phòng đọc. Thư viện được đặt tại các cơ sở:
 - o Cơ sở 1: 27 Tân Mỹ, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7.
 - o Cơ sở 2: 2C Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình.
 - o Cơ sở 3: B2/1A Đường 385, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức.
- Phần mềm quản lý thư viện: PSC Zlis 7.0
- Đã có thư viện điện tử, đã kết nối với các cổng thông tin điện tử như:

- Cổng thông tin Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ.
- Cơ sở dữ liệu sách điện tử IGP.
- Cơ sở dữ liệu kết quả nghiên cứu quốc gia.
- Ebooks của Nhà xuất bản Tổng hợp.
- Cơ sở dữ liệu điện tử Proquest.
- Tài liệu thuê quyền truy cập từ NXB Tổng hợp: 300

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số phòng đọc	5
2	Số chỗ ngồi đọc	300
3	Số máy tính của thư viện phục vụ tra cứu	101
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	21.177
4.1	Tài liệu dạng in	
4.1.1	Sách	17.235 tựa/ 56.434 bản
4.1.2	Luận văn Thạc sĩ	2.417
4.1.3	Chuyên đề tốt nghiệp	1.480
4.1.4	Báo - tạp chí	10 tựa báo, 31 tựa tạp chí và bản tin
4.2	Tài liệu điện tử	
4.2.1	Luận văn Thạc sĩ	2.207
4.2.2	Bài trích Báo – Tạp chí	411
4.2.3	Chuyên đề tốt nghiệp	99
4.2.4	Sách, tài liệu nghiên cứu khoa học	167
4.2.5	Cơ sở dữ liệu	Nasati (Gói dữ liệu của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, bao gồm: STD-Tài liệu KH&CN Việt Nam, Nhiệm vụ KH&CN Việt Nam, ScienceDirect, Scopus, ProQuest Central, IEEE Xplore Digital Library, SpringerNature ...) Emerald

Tổng cộng	6		
-----------	---	--	--

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

10.1 Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

❖ Tổ chức thực hiện đào tạo

Chương trình đào tạo này sẽ được thực hiện triển khai kể từ khóa tuyển sinh năm 2023, được đào tạo theo phương thức tín chỉ.

Khoa Tài chính – Ngân hàng chịu trách nhiệm triển khai đào tạo theo kế hoạch đào tạo theo từng năm/học kỳ.

Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm phân công giảng viên giảng dạy các học phần và hướng dẫn luận văn tốt nghiệp, theo dõi nội dung giảng dạy theo đúng với yêu cầu đề cương chi tiết học phần. Đối với những học phần tự chọn, tùy theo tình hình thực tiễn Khoa chuyên môn sẽ tư vấn cho học viên lựa chọn học phần phù hợp.

Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế. Học viên không đủ điều kiện để đánh giá kết quả đạt học phần sẽ phải đăng ký học lại học phần đó.

❖ Phương pháp giảng dạy – học tập

Thuyết giảng: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Học viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

Tranh luận: là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, học viên nêu quan điểm cá nhân, và giải thích phân tích kỹ để thuyết phục người nghe về quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, học viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

Phương pháp dạy học nhóm: Đây là một trong những phương pháp dạy học tích cực được đánh giá cao hiện nay, giúp sinh viên nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, trách nhiệm và khả năng giao tiếp sinh viên. Giảng viên sẽ giới thiệu về chủ đề, xác định nhiệm vụ chung cho các nhóm, tạo nhóm. Sinh viên sẽ lên kế hoạch cho các công việc cần làm, đặt ra các quy tắc làm việc chung, xử lý các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả đạt được. Sau đó, các nhóm lần lượt báo cáo kết quả giảng viên sẽ đánh giá kết quả.

Phương pháp học dựa trên vấn đề: Mục tiêu của học dựa trên vấn đề (được định nghĩa là việc nghiên cứu có chiều sâu về một chủ đề học tập) là để học nhiều hơn về một chủ đề chứ không phải là chỉ tìm ra những câu trả lời đúng cho những câu hỏi được giáo viên đưa ra. Trong phương pháp học dựa trên vấn đề, sinh viên vừa nắm được kiến thức mới, vừa nắm được phương pháp lĩnh hội kiến thức đó, phát triển tư duy chủ động, sáng tạo, được chuẩn bị năng lực thích ứng với đời sống xã hội, phát hiện và giải quyết hợp lý các vấn đề nảy sinh.

Nghiên cứu tình huống: Yếu tố cấu thành chủ yếu của phương pháp đào tạo mới này dựa trên các tình huống thực tế. Mục đích chính của các tình huống là để miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn trong khi thực hiện công việc được giao. Bằng những tình huống khác nhau cần phải giải quyết trong khoảng thời gian định sẵn, người học được đặt vào vị trí cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên cùng nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lý. Sự đa dạng của các tình huống không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham dự lớp. Yếu tố này làm người học có thể tiếp thu nội dung kiến thức bài giảng dễ dàng, sâu và nhớ lâu hơn các phương pháp giảng dạy truyền thống.

10.2 Đảm bảo chất lượng đào tạo

Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng máy thực hành (306-Nguyễn Trọng Tuyển, Quận Tân Bình)	10	668	Máy tính	467	Phục vụ các học phần có thực hành trên máy tính
2	Phòng học máy lạnh (343/4)	4	217	Máy chiếu	1	Phục vụ các Học phần lý thuyết
3	Phòng học máy lạnh (778NK)	19	1.287	Máy chiếu	1	Phục vụ các Học phần lý thuyết
4	Phòng thực hành (778NK)	1	86	Máy chiếu	1	Phục vụ các Học phần lý thuyết
5	Phòng học máy lạnh (CS TNP A)	41	3.492	Máy chiếu	1	Phục vụ các Học phần lý thuyết
6	Phòng học thường (CS TNP A)	29	2.408	Máy chiếu	1	Phục vụ các Học phần lý thuyết
7	Phòng thực hành (CS TNP A)	15	2.066	Máy tính	389	Phục vụ các học phần có

		Sage
		Bộ Dữ liệu Kinh tế - Tài chính - Vĩ mô (FiinPro)
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	2

❖ **Học liệu**

Danh sách giáo trình, tài liệu tham khảo sử dụng trong chương trình đào tạo

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Sử dụng trong các trường ĐH - Hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2021	Triết học Mác – Lênin
2	Tài liệu học tập Triết học Mác-Lênin	Trường Đại học Tài chính – Marketing		2021	Triết học Mác – Lênin
3	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)		Chính trị Quốc gia sự thật	2021	Triết học Mác – Lênin
4	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin: Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Viết Thông và cộng sự	Chính trị Quốc gia	2009	Triết học Mác – Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học
5	Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia sự thật	2021	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
6	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2012	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
7	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	2021	Kinh tế chính trị Mác – Lênin

					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
8	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Sử dụng trong các trường Đại học - Hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2021	Chủ nghĩa xã hội khoa học
9	Tài liệu học tập Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học	Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2020	Chủ nghĩa xã hội khoa học
10	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Sử dụng trong các trường ĐH – Hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo		2021	Chủ nghĩa xã hội khoa học
11	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2021	Chủ nghĩa xã hội khoa học
12	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (phần 1)	Trường ĐH Tài chính-Marketing,	Lưu hành nội bộ	2015	Chủ nghĩa xã hội khoa học
13	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh
14	Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh (lưu hành nội bộ)	Trường ĐH Tài chính-Marketing,	Lưu hành nội bộ	2021	Tư tưởng Hồ Chí Minh
15	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia		Tư tưởng Hồ Chí Minh
16	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Đặng Xuân Kỳ	Chính trị Quốc gia	2012	Tư tưởng Hồ Chí Minh
17	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, 2011	Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Chính trị Quốc gia	2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh

18	Hồ Chí Minh toàn tập (Tập 1 – 15)		Chính trị Quốc gia	2011	Tư tưởng Hồ Chí Minh
19	Hồ Chí Minh – Tiểu sử	Song Thành và cộng sự	Lý luận chính trị	2006	Tư tưởng Hồ Chí Minh
20	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		Chính trị Quốc gia	2021	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
21	Tài liệu học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (lưu hành nội bộ)	Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2021	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
21	Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia	Chính trị Quốc gia	2018	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
22	Một số chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập I, II và III)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2007	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
23	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2006	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
24	Tập bài giảng Pháp luật đại cương	Bộ môn Luật, Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ		
25	Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	Công an nhân dân		Pháp luật đại cương
26	Giáo trình Pháp luật đại cương	Khoa luật - ĐH Kinh tế quốc dân	Đại học Kinh tế quốc dân		Pháp luật đại cương
27	Giáo trình Pháp luật về tài sản, quyền sở hữu tài sản và quyền thừa kế	Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Hồng Đức	2012	Pháp luật đại cương
28	Giáo trình pháp luật về hợp	Trường Đại	Hồng	2014	Pháp luật đại

	đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	học Luật Tp. Hồ Chí Minh	Đức – Hội Luật gia Việt Nam		cương
29	Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam	Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh	Hồng Đức	2013	Pháp luật đại cương
30	Các văn bản dưới Luật: Hiến pháp 2013 Bộ luật Dân sự 2015 - Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 - Bộ luật Lao động 2019 - Luật Ban hành văn bản QLPL 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) - Các văn bản dưới luật có liên quan.				Pháp luật đại cương
31	Personal Best – Student’s book - B1 ⁺ (A) Intermediate				Tiếng Anh 1
32	Personal Best – Workbook – B1 ⁺ (A) Intermediate				Tiếng Anh 1
33	Speaking for IELTS				Tiếng Anh 1
34	Personal Best – Student’s book – B1 ⁺ (B) Intermediate				Tiếng Anh 2
35	Personal Best – Workbook – B1 ⁺ (B) Intermediate				Tiếng Anh 2
36	Speaking for IELTS				Tiếng Anh 2
37	Personal Best – Student’s book – B2 (A) Intermediate				Tiếng Anh 3
38	Personal Best – Workbook – B2 (A) Intermediate				Tiếng Anh 3
39	Speaking for IELTS				Tiếng Anh 3
40	Personal Best – Student’s book – B2 (B) Intermediate				Tiếng 4

41	Personal Best – Workbook – B2 (B) Intermediate				Tiếng Anh 4
42	Speaking for IELTS				Tiếng Anh 4
43	Business Result – Intermediate				Tiếng Anh 5
44	Speaking for IELTS				Tiếng Anh 5
45	Business Result – Intermediate				Tiếng Anh 6
46	Speaking for IELTS				Tiếng Anh 6
47	Bài giảng Toán cao cấp	Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2009	Toán cao cấp
48	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế	Lê Đình Thúc	Đại học kinh tế Quốc Dân	2010	Toán cao cấp
49	Toán cao cấp	Trần Minh Thuyết – Trường Đại học Tài chính – Marketing	Tài Chính	2007	Toán cao cấp
50	Fundamental Methods of Mathematical Economics	Alpha C. Chiang	McGraw-Hill		Toán cao cấp
51	Calculus Transcendentals, 6e Early	James Stewart	Thomson Learning	2008	Toán cao cấp
52	Tập bài giảng Tin học đại cương hướng đến chuẩn Mos và IC3	Trương Đình Hải Thục, Trần Trọng Hiếu, Trương Xuân Hương, Trần Thanh San, Đinh Xuân Thọ, Nguyễn Thanh Trường	Khoa CNTT Lưu hành nội bộ	2018	Tin học đại cương

53	Hướng dẫn tự học Kinh tế vi mô	Bộ môn Kinh tế học, Khoa Cơ bản, Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2018	Kinh tế vi mô 1
54	Kinh tế học Vi mô	David Begg, Stanley Fischer and Rudiger Dornbusch (Nhóm giảng viên ĐH Kinh tế Quốc dân dịch)	Thống kê	2018	Kinh tế vi mô 1
55	Kinh tế vi mô	Lê Bảo Lâm	Kinh tế TpHCM	2017	Kinh tế vi mô 1
56	Microeconomics	7 th N.Gregory Mankiw	Worth Publishers	2010	Kinh tế vi mô 1
57	Hướng dẫn tự học Kinh tế vĩ mô	Nhóm tác giả Bộ môn Kinh tế học, Khoa Cơ bản, Trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2018	Kinh tế vĩ mô 1
58	Kinh tế học Vĩ mô	Nhóm giảng viên Khoa Kinh tế học, trường Đại học Kinh tế quốc dân dịch	Thống kê	2018	Kinh tế vĩ mô 1
59	Nguyên lý kế toán	Thiều Thị Tâm, Trần Hồng Vân, Dương Hoàng Ngọc Khuê, Phạm Huỳnh Lan Vi, Lê	Lưu hành nội bộ	2018	Nguyên lý kế toán

		Quang Mẫn			
60	Giáo trình Nguyên lý Kế toán	Khoa Kế toán Kiểm toán, trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2017	Nguyên lý kế toán
61	Bài tập Nguyên lý Kế toán	Khoa Kế toán Kiểm toán, trường Đại học Tài chính – Marketing	Lưu hành nội bộ	2017	Nguyên lý kế toán
62	Nguyên lý kế toán	Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	Thống kê	2017	Nguyên lý kế toán
63	Nguyên lý kế toán	Vũ Hữu Đức (c.b); Lê Thị Khoa Nguyên; Lê Thị Minh Châu; ...và nhiều tác giả	Lao động	2017	Nguyên lý kế toán
64	Luật kế toán		Chính trị quốc gia	2018	Nguyên lý kế toán
65	Nguyên lý Marketing	Tập thể khoa Marketing Trường ĐH Tài chính – Marketing	Thống kê	2012	Nguyên lý marketing
66	Nguyên lý Marketing	TS. Ngô Thị Thu	Lưu hành nội bộ	2018	Nguyên lý marketing
67	Giáo trình Quản trị học	Cảnh Chí Hoàng	Lưu hành nội bộ	2021	Quản trị học
68	Quản trị học	Khoa QTKD, Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM	Kinh tế Tp.HCM	2015	Quản trị học
69	Những cốt yếu của quản lý	Harold	Khoa	1998	Quản trị học

		Koontz và cộng sự	học Kỹ thuật Hà Nội		
70	Quản trị học	Phan Thăng & Nguyễn Thanh Hội	Hồng Đức	2012	Quản trị học
71	Bài giảng Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1	Bộ môn Tài chính – tiền tệ, Khoa Tài chính ngân hàng	Lưu hành nội bộ		Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
72	The Economics of Money, Banking and Financial Markets	Frederic S.Mishkin	Pearson/Addison-Wesley	2013	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
73	Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính	Nguyễn Văn Tiến	Lao động	2016	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
74	Nhập Môn Tài chính – Tiền tệ	Sử Đình Thành và Vũ Thị Minh Hằng, Trường Đại học quốc gia Hà Nội	Lao động xã hội	2014	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
75	Essentials of Corporate Financial Management	Glen Arnorld	Pearson	2013	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
76	Public Finance	David Hyman	Cengage learning	2010	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
77	Thị trường tài chính	Jeff Madura	Cengage	2015	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
78	Bài giảng Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán	Bộ môn Toán – Thống kê,	Lưu hành nội	2013	Lý thuyết xác suất và thống

		Trường ĐH Tài chính – Marketing	bộ		kê ứng dụng
79	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	Đại học Quốc gia Hà nội	2006	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
80	Thống kê và ứng dụng	Đặng Hùng Thắng	Giáo dục	1999	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
81	Bài tập xác suất và Thống kê Toán học	Nguyễn Đình Cử, Trương Diêu	Đại học Kinh tế quốc dân	1992	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
82	Lý thuyết xác suất và Thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh	Khoa học Kỹ thuật	1996	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng
83	Kinh doanh Ngoại hối	Phạm Quốc Việt	NXB Tài Chính	2016	Kinh doanh ngoại hối, Ngân hàng quốc tế
84	Ngân hàng thương mại	Trần Huy Hoàng	NXB Tài Chính	2019	Ngân hàng thương mại
85	Ngân hàng Trung ương	Trần Huy Hoàng	NXB Tài Chính	2018	Ngân hàng Trung ương
86	Quản trị ngân hàng thương mại	Trần Huy Hoàng	NXB LĐXH	2011	Quản trị ngân hàng, Quản trị rủi ro ngân hàng và Basel.
87	Thị trường chứng khoán	Phạm Tiến Đạt	NXB Tài Chính	2021	Thị trường chứng khoán
88	Thẩm định tín dụng	Trần Huy Hoàng	NXB Tài Chính	2020	Thẩm định tín dụng

89	Ngân hàng quốc tế 1	Trần Huy Hoàng Lê Thị Thuý Hằng	NXB Tài Chính	2020	Thanh toán quốc tế qua ngân hàng, Ngân hàng quốc tế
90	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng	Lê Thị Thuý Hằng	NXB Tài Chính	2022	Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng
91	Thị trường chứng khoán phái sinh	Trần Huy Hoàng	NXB Tài Chính	2022	Thị trường chứng khoán phái sinh
92	Xếp hạng tín dụng	Phan Thị Hằng Nga	NXB Tài Chính	2021	Xếp hạng tín dụng
93	Tin học ứng dụng	Trương Thành Công	Lưu hành nội bộ	2023	Tin học ứng dụng
94	Learning Python	Mark Lutz	O'Reilly Media	2013	Cơ sở lập trình
95	Python Programming for the Absolute Beginner	Michael Dawson	Course Technology		Cơ sở lập trình
96	Cơ sở dữ liệu	Trần Minh Tùng	Lưu hành nội bộ	2018	Cơ sở dữ liệu
97	SQL and Relational Theory	C.J.Date	O'Reilly Media	2015	Cơ sở dữ liệu
98	Python for Data Analysis	Wes McKinney	O'Reilly	2022	Phân tích dữ liệu với Python
99	Big Data Technologies and Applications	Borko Furht, Flavio Villanustre	Springer Cham	2016	Dữ liệu lớn và khai thác dữ liệu
100	Data Science and Big Data Analytics: Discovering, Analyzing, Visualizing and	EMC Education Services	Wiley		Dữ liệu lớn và khai thác dữ liệu

	Presenting Data				
101	Introduction to Machine Learning	Ethem Alpaydin	The MIT Press	2020	Máy học và trí tuệ nhân tạo
102	Artificial Intelligence: A Modern Approach	Stuart Russell, Peter Norvig	Pearson	2020	Máy học và trí tuệ nhân tạo
103	The Robotic Process Automation Handbook: A Guide to Implementing RPA Systems	Tom Taulli	Apress	2020	Tự động hóa quy trình bằng robot
104	Computer Ethics and Professional Responsibility	Terrell Ward Bynum, Simon Rogerson	Wileys	2003	Môn đạo đức trong fintech
105	Ethics in Information Technology	George W. Reynolds			Môn đạo đức trong fintech
106	Actuarial mathematics for life contingent risks	Dickson, David CM, Mary R. Hardy, and Howard R. Waters	Cambridge University Press	2019	Công nghệ bảo hiểm
105	FinTech: The Technology Driving Disruption in the Financial Services Industry	Parag Y. Arjunwadkar	Taylor & Francis Group	2018	Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính

❖ Giảng viên tham gia giảng dạy:

STT	HỌ VÀ TÊN, NĂM SINH	HỌC VỊ, NĂM CÔNG NHẬN	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH	HỌC PHẦN GIẢNG DẠY	GHI CHÚ
1	Phạm Lê Quang, 1960	Tiến sĩ, 2010	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	

2	Lại Văn Nam, 1973	Tiến sĩ, 2006	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị	
3	Nguyễn Minh Hiền, 1972	Thạc sĩ, 2004	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin,	
4	Kinh Thị Tuyết, 1974	Thạc sĩ, 2004	Luật	Pháp Luật Đại cương, Soạn thảo Văn Bản, Luật Kinh tế	
5	Trần Văn Bình, 1972	Thạc sĩ, 2005	Luật	Pháp Luật Đại cương, Soạn thảo Văn Bản, Luật Kinh tế	
6	Đặng Chung Kiên, 1979	Thạc sĩ, 2006	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin	
7	Lê Văn Dũng, 1981	Thạc sĩ, 2011	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
8	Bùi Minh Nghĩa, 1982	Thạc sĩ, 2014	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin	
9	Nguyễn Tấn Hưng, 1976	Tiến sĩ	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin	
10	Mạch Ngọc Thủy, 1977	Thạc sĩ, 2004	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin	
11	Ngô Quang Thịnh, 1981	Thạc sĩ, 2009	Kinh tế Chính trị	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin	

12	Đặng Hữu Sửu, 1962	Thạc sĩ, 2003	Triết học	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
13	Đỗ Thị Thanh Huyền, 1985	Thạc sĩ, 2010	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.	
14	Hoàng Thị Mỹ Nhân, 1986	Thạc sĩ, 2013	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
15	Vũ Văn Quế, 1972	Thạc sĩ, 2011	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
16	Lê Ngọc Dũng, 1978	Thạc sĩ		Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.	
17	Nguyễn Công Duy, 1984	Thạc sĩ		Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.	
18	Trần Hạ Long, 1978	Thạc sĩ		Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
19	Lê Thị Hoài Nghĩa, 1985	Thạc sĩ, 2013	Triết học	Triết học Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.	
20	Nguyễn Huy Hoàng, 1964	Tiến sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác	

				suất và thống kê ứng dụng...	
21	Nguyễn Văn Phong, 1980	Thạc sĩ, 2006	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
22	Ngô Thái Hưng, 1983	Thạc sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng...	
23	Võ Thị Bích Khuê, 1982	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...	
24	Nguyễn Đức Bằng, 1981	Thạc sĩ, 2006	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
25	Nguyễn Trung Đông, 1980	Thạc sĩ, 2008	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
26	Phạm Thị Thu Hiền, 1979	Thạc sĩ, 2007	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...	
27	Nguyễn Vũ Dzũng, 1978	Thạc sĩ, 2005	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	

28	Dương Thị Phương Liên, 1975	Thạc sĩ, 2002	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
29	Trần Mạnh Tường, 1974	Thạc sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
30	Lê Trường Giang, 1989	Thạc sĩ, 2013	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...	
31	Vũ Anh Linh Duy, 1979	Thạc sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
32	Nguyễn Quyết,	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
33	Nguyễn Bá Thanh, 1976	Thạc sĩ, 2005	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
34	Phạm Việt Huy, 1979	Thạc sĩ, 2005	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	

35	Phan Trí Kiên, 1981	Thạc sĩ, 2012	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
36	Lê Thị Ngọc Hạnh, 1986	Thạc sĩ, 2013	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
37	Nguyễn Thị Hồng Vân, 1985	Thạc sĩ, 2014	Cử Nhân Toán, Ths. QTKD	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
38	Lê Thị Bích Thảo, 1989	Thạc sĩ, 2015	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
39	Tô Thị Đông Hà, 1974	Thạc sĩ, 2003	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
40	Phạm Thị Nguyệt Sương, 1981	Thạc sĩ, 2008	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
42	Nguyễn Thị Thái Thuận, 1978	Thạc sĩ, 2006	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
43	Thái Thị Tường Vi, 1981	Thạc sĩ, 2011	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
44	Hồ Thị Thanh Trúc, 1989	Thạc sĩ, 1989	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
45	Ngô Thị Duyên, 1988	Thạc sĩ, 2015	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
46	Đoàn Ngọc Phúc, 1975	Tiến sĩ, 2017	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
47	Phan Ngọc Yến Xuân, 1989	Thạc sĩ, 2015	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	

48	Hoàng Thị Xuân, 1987	Thạc sĩ, 2014	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
49	Nguyễn Thị Hào, 1983	Thạc sĩ, 2010	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
50	Nguyễn Thị Quý, 1983	Thạc sĩ, 2012	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
51	Ngô Thị Hồng Giang, 1983	Thạc sĩ, 2010	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
52	Lại Thị Tuyết Lan, 1980	Thạc sĩ, 2009	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
53	Phạm Thị Vân Anh, 1977	Thạc sĩ, 2012	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
54	Nguyễn Thái Hà, 1986	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
55	Nguyễn Nam Phong, 1985	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
56	Nguyễn Anh Tuấn, 1975	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
57	Ngô Thị Thu, 1962	Tiến sĩ	Kinh tế	Nguyên lý Marketing	
58	Ngô Vũ Quỳnh Thi, 1976	Thạc sĩ	Kinh doanh và QL	Nguyên lý Marketing	
59	Nguyễn Ngọc Bích Trâm, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
60	Trần Nhật Minh, 1975	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
61	Ninh Đức Cúc Nhật, 1987	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
62	Nguyễn Thị Minh Ngọc, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
63	Ngô Minh Trang, 1974	Thạc sĩ	Quản trị chuyên nghệ	Nguyên lý Marketing	

64	Nguyễn Đông Triều, 1983	Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý	Nguyên lý Marketing	
65	Trịnh Thị Hồng Minh, 1988	Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	Nguyên lý Marketing	
66	Huỳnh Trị An, 1983	Thạc sĩ	Marketing	Nguyên lý Marketing	
67	Nguyễn Ngọc Hạnh, 1979	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
68	Nguyễn Thị Thoa, 1986	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý Marketing	
69	Nguyễn Thị Thúy, 1989	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
70	Lâm Ngọc Thùy, 1985	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
71	Đặng Huỳnh Phương, 1989	Thạc sĩ	Marketing	Nguyên lý Marketing	
72	Trần Hằng Diệu, 1989	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
73	Nguyễn Thị Nga Dung, 1986	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
74	Thái Trần Văn Hạnh, 1977	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
75	Nguyễn Minh Hằng, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
76	Lê Quang Mẫn	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
77	Vương Thị Thanh Nhân, 1985	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
78	Phạm Thị Kim Thanh, 1984	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
79	Nguyễn Hà Minh Thi, 1985	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	

80	Ngô Thị Mỹ Thúy, 1973	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
81	Chu Thị Thương, 1984	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
82	Lê Văn Tuấn, 1977	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
83	Dương Hoàng Ngọc Khuê, 1980	Tiến sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
84	Ngô Nhật Phương Diễm, 1978	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
85	Nguyễn Thị Kiều Oanh, 1991	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
86	Nguyễn Thị Ngọc Oanh, 1991	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
87	Ung Hiền Nhã Thi, 1988	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Nguyên lý kế toán	
88	Nguyễn Văn Bồn, 1976	Tiến sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
89	Vũ Thanh Tùng, 1984	Thạc sĩ	Kinh tế	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
90	Chu Thị Thanh Trang, 1986	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
91	Nguyễn Xuân Dũng, 1990	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
92	Phạm Đức Huy, 1985	Thạc sĩ		Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
93	Trần Thị Thanh Nga, 1987	Tiến sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
94	Nguyễn Thị Bảo Ngọc, 1988	Thạc sĩ	Kinh tế	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
95	Trương Xuân Hương, 1985	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
96	Nguyễn Thị Trần Lộc, 1984	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	

97	Tôn Thất Hòa An, 1962	Tiến sĩ	Kỹ sư	Tin học đại cương	
98	Lâm Hoàng Trúc Mai, 1987	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	
99	Phạm Thủy Tú, 1985	Tiến sĩ	Hệ thống thông tin	Tin học đại cương	
100	Trương Đình Hải Thụy, 1974	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Tin học đại cương	
101	Nguyễn Thanh Trường, 1971	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Tin học đại cương	
102	Trần Thanh San, 1970	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
103	Trần Trọng Hiếu, 1966	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
104	Trần Anh Sơn, 1971	Thạc sĩ	Tài chính Bảo hiểm	Tin học đại cương	
105	Võ Xuân Thê, 1970	Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương	
106	Nguyễn Huy Khang, 1974	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Tin học đại cương	
107	Nguyễn Quốc Thanh, 1978	Thạc sĩ	Truyền dữ liệu và mạng máy tính	Tin học đại cương	
108	Huỳnh Ngọc Thành Trung, 1976	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
109	Nguyễn Thanh Bình, 1983	Thạc sĩ	Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán	Tin học đại cương	
110	Lê Thị Kim Thoa, 1979	Thạc sĩ	Kế toán	Tin học đại cương	
111	Đinh Nguyễn Thúy Nguyệt, 1988	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	

112	Nguyễn Ngọc Trân Châu, 1974	Tiến sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
113	Nguyễn Thị Châu Ngân, 1979	Tiến sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	
114	Phạm Thị Thùy Trang, 1975	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	
115	Nguyễn Thị Công Dung, 1972	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	
116	Chu Quang Phê, 1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	
117	Bùi Thị Nhi, 1977	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	
118	Võ Thị Anh Đào, 1979	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	
119	Lê Thị Thanh Trúc, 1976	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	
120	Nguyễn Thị Tuyết Mai, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	
121	Huỳnh Nguyên Thư, 1988	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	
122	Nguyễn Thị Xuân Chi, 1983	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	
123	Võ Thị Kim Cúc, 1989	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	
124	Dương Thị Thu Hiền, 1984	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	
125	Nguyễn Thị Hằng, 1985	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	
126	Phan Thị Hiền, 1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
127	Trần Thúy Quỳnh My, 1988	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	

128	Nguyễn Thị Thanh Huyền, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	
129	Trần Thế Khoa, 1993	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	
130	Phan Văn Quang, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4	
131	Nguyễn Thị Nguyễn, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh tổng quát 1, 2, 3, 4, 5,6 CLC	
132	Cánh Chí Hoàng, 1977	Tiến sĩ		Quản trị học	
133	Phạm Thị Ngọc Mai, 1978	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	Quản trị học	
134	Trần Nhân Phúc, 1979	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
135	Trần Thế Nam, 1977	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
136	Nguyễn Thị Minh Trâm, 1972	Thạc sĩ	Kinh tế	Quản trị học	
137	Trần Văn Hưng, 1980	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
138	Trần Huy Hoàng, 1960	PGS, Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại. Quản trị rủi ro ngân hàng, Ngân hàng trung ương, Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng	
139	Phạm Quỳnh Châu, 1975	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại	
140	Lê Thị Thuý Hằng, 1983	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại, Kinh doanh ngoại hối, Ngân hàng quốc tế 1, 2	
141	Nguyễn Vũ Duy, 1987	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại, Thẩm định tín dụng, Xếp hạng tín	

				dụng, Thị trường chứng khoán	
142	Nguyễn Mậu Bá Đăng, 1982	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại, Quản trị rủi ro ngân hàng, Ngân hàng trung ương, Quản trị rủi ro ngân hàng và Basel.	
143	Phan Thị Hương, 1984	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Thẩm định tín dụng, Ngân hàng quốc tế 1	
144	Tô Thị Hồng Gấm, 1984	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại, Ngân hàng trung ương	
145	Phạm Quốc Việt	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Kinh doanh ngoại hối, Thẩm định tín d	
146	Phan Thị Hằng Nga	PGS.TS	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại, Phân tích hoạt động kinh doanh ngân hàng	
147	Nguyễn Vũ Thân, 1986	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại, Thị trường chứng khoán	
148	Trần Thị Phương Thanh, 1990	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại, Thị trường chứng khoán	
149	Trần Văn Trung, 1977	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Thị trường chứng khoán, Thị trường chứng khoán phái sinh, Ngân hàng đầu tư	
150	Phạm Thị Quỳnh Nga, 1979	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng	Ngân hàng thương mại	
151	Hồ Thủy Tiên	PGS.TS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính quốc tế, Chiến lược tài chính công ty	
152	Nguyễn Thị Mỹ Linh, 1974	PGS.TS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Doanh nghiệp 1, 2	

153	Bùi Hữu Phước, 1958	TS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 1, 2	
154	Nguyễn Phú Quốc, 1969	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Doanh nghiệp 1, 2	
155	Phạm Thị Thu Hồng, 1965	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính Doanh nghiệp 1, 2, Toán tài chính	
156	Phạm Thanh Truyền, 1988	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	
157	Trần Thị Diện, 1967	TS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 1, 2	
158	Lê Võ Đại Hải, 1992	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 1, 2	
159	Hồ Thị Lam, 1989	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Quản trị rủi ro tài chính	
160	Ngô Văn Toàn, 1985	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Toán tài chính, 1 Quản trị rủi ro tài chính	
161	Trần Phạm Trác, 1974	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 1, 2	
162	Nguyễn Thị Hoa, 1977	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp	
163	Nguyễn Thị Ngọc Loan, 1981	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 1, 2	
164	Trần Thị Kim Oanh, 1988	TS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp 1, Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	
165	Nguyễn Xuân Bảo Châu, 1988	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính quốc tế	
166	Trương Thành Công	TS	Công nghệ thông tin	Tin học ứng dụng, Phân tích dữ liệu với Python Máy học và trí tuệ nhân tạo (Fintech)	
167	Vũ Thị Thanh Hương	ThS	Công nghệ thông tin	Tin học ứng dụng, Cơ sở dữ liệu	

11. MA TRẬN LIÊN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

[illegible]

011672	Cơ sở dữ liệu			M				M		M	
011673	Cơ sở lập trình			M				M		M	
011674	Phân tích dữ liệu với Python			M				M		M	
011675	Tiền số và công nghệ blockchain			M				M		M	
010088	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm			M				M		M	
011676	Đạo đức nghề nghiệp trong Fintech			M				M		M	
011547	Tài chính doanh nghiệp 1			M				M		M	
011548	Ngân hàng thương mại			M				M		M	
011549	Tài chính quốc tế			M				M		M	
010039	Kinh tế lượng			M				M		M	
2.3 Kiến thức chuyên ngành											
<i>Học phần bắt buộc</i>											
011677	Thực hành nghề nghiệp 1				A				A		M
011678	Thực hành nghề nghiệp 2				A				A		M
011679	Dữ liệu lớn và khai thác dữ liệu				A				A		M
011551	Quản trị rủi ro tài chính				A				A		M
011552	Phân tích Tài chính doanh nghiệp				A				A		M
<i>Học phần tự chọn</i>											
011623	Ngân hàng số				A				A		M
011680	Công nghệ bảo hiểm				A				A		M
011681	Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính				A				A		M
011682	Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính				A				A		M
011683	Máy học và trí tuệ nhân tạo (Fintech)				A				A		M
011684	Robotic Process Automation (Tự động hóa quy trình bằng robot)				A				A		M
2.3 Kiến thức bổ trợ ngành											
011685	Công nghệ Tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử (E-payment system & Cryptocurrency Technologies)			R					R		M
011686	Phát triển hệ thống thương mại điện tử			R					R		M
011687	Sáng tạo và khởi nghiệp			R					R		M

	trong Fintech (Innovation & Entrepreneurship in Fintech)										
III. Tốt nghiệp											
011689	Khóa luận tốt nghiệp				A				A		M
Hoặc											
011690	Thực tập tốt nghiệp				A				A		M
011688	Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính				A				A		M

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

13. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

13.1 Triết học Mác-Lênin Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

- Học phần giúp xác lập thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin cho sinh viên.

- Sau khi lĩnh hội tri thức Triết học Mác-Lênin, sinh viên tự tin vào năng lực tư duy lý luận của mình để từng bước nhận thức về bản thân, đánh giá các sự vật, sự việc, các vấn đề trong công việc một cách khách quan trong sự vận động, biến đổi, phát triển của chúng.

- *Tóm tắt nội dung của học phần:*

Học phần trình bày khái lược các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm đưa đến ra cái nhìn tổng quát về đối tượng và phạm vi của Học phần và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội; Giới thiệu những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác-Lênin vừa là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra. Học phần giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (I).

13.2 Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Tín chỉ: 2

- ❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*

Có kiến thức lý luận căn bản của kinh tế chính trị Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở đó tiếp cận các môn khoa học kinh tế ngành và các môn khoa học khác. Có khả năng phân tích, giải thích, so sánh được và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội. Từ đó xây dựng niềm tin lý tưởng cách mạng, đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

- *Tóm tắt nội dung của học phần:*

Học phần trình bày khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa; nguồn gốc, bản chất và chức năng cơ bản của tiền; dịch vụ và các hàng hóa đặc biệt; thị trường và các chủ thể tham gia thị trường. Sự sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Lý luận của Lenin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; vấn đề độc quyền và độc quyền nhà nước. Tính tất yếu khách quan và đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (R).

13.3 Chủ nghĩa xã hội khoa học

Tín chỉ: 2

- ❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên phân tích được những quy luật, tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa; vận dụng kiến thức đã học để giải thích những vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; xác lập căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của các thế lực phản động đối với Đảng, Nhà nước, chủ nghĩa xã hội; hình thành thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, từ đó, củng cố niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

ở Việt Nam.

▪ *Tóm tắt nội dung của học phần:*

Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật chính trị - xã hội của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới. Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những vấn đề lý luận cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (I).

13.4 Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tín chỉ: 2

- ❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có khả năng: Hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; Hình thành tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống; Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

▪ *Tóm tắt nội dung của học phần:*

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm những nội dung cụ thể sau: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO5 (R), PLO9 (R).

13.5 Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam

Tín chỉ: 2

- ❖ Học phần học trước: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần sinh viên trình bày được sự ra đời và phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam và những chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng trong quá trình lãnh đạo cách mạng từ khi Đảng ra đời cho đến nay; Sinh viên có kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập Học phần và vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. Qua đó, giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và của dân tộc; xây dựng thái độ chính trị đúng đắn; củng cố, bồi đắp niềm tin của sinh viên đối với sự lãnh đạo của Đảng.

▪ *Tóm tắt nội dung của học phần:*

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một học phần thuộc các môn khoa học lý luận chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I), PLO5 (R), PLO9 (R).

13.6 Pháp luật đại cương Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật, biết tìm kiếm và vận dụng những quy phạm pháp luật có liên quan để xử lý các vấn đề pháp lý thông dụng. Từ đó, người học có nền tảng kiến thức vững vàng để học tiếp các học phần pháp luật khác; đồng thời, hình thành ý thức pháp luật tốt trong công việc và đời sống.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần gồm hai phần: phần đầu chuyển tải các vấn đề cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật (như nguồn gốc, bản chất, thuộc tính, chức năng; hình thức của nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý). Phần 2 cung cấp khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh... và nội dung cơ bản của các chế định quan trọng của một số ngành luật thuộc lĩnh vực pháp luật tư.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R)

13.7 Tiếng Anh tổng quát 1

Tín chỉ: 3

- ❖ Điều kiện tiên quyết: Đạt điểm thi Tiếng Anh đầu vào TOEIC ≥ 300
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về ngữ pháp cùng với nguồn từ vựng phong phú về các chủ đề như du lịch, mua sắm, giao tiếp, giáo dục, việc làm, để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp (A2-B1), vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, giao tiếp tốt trong những tình huống quen thuộc. Bên cạnh đó, sinh viên cũng phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt cho công việc trong tương lai.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh tổng quát 1 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 1 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc câu được sử dụng thường xuyên qua các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như du lịch, mua sắm, giao tiếp, giáo dục, việc làm.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

13.8 Tiếng Anh tổng quát 2

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 1
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức ngôn ngữ đã học để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và hình thành phản xạ giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ trung cấp (B1), vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, giao tiếp tốt trong những tình huống quen thuộc. Bên cạnh đó, sinh viên cũng phát triển kỹ năng làm việc theo cặp, nhóm, và thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt cho công việc trong tương lai.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh tổng quát 2 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 1 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn. Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc câu được sử dụng thường xuyên qua các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống như giải trí, sức khỏe, thực phẩm, tệ nạn xã hội và thể giới tự nhiên.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

13.9 Tiếng Anh tổng quát 3

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 2
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên vận dụng được các kỹ năng ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh ở cấp độ tiền trung cấp vào việc thiết kế các cuộc phỏng vấn ngắn, giải quyết các tình huống trong công việc; áp dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn ngắn, email, tin nhắn phản hồi trong những tình huống quen thuộc về môi trường kinh doanh. Bên cạnh đó, các hoạt động làm việc theo cặp, nhóm giúp sinh phát triển kỹ năng làm việc thực tế như đàm phán, thuyết trình, xây dựng mối quan hệ, nhận thức về phong cách giao tiếp và giải quyết các vấn đề giao tiếp thông thường, từ đó sinh viên phát huy thái độ tích cực, chủ động, đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh tổng quát 3 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 2 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn sau khi đã hoàn thành chương trình của học phần Tiếng Anh tổng quát 1 và học phần Tiếng Anh tổng quát 2. Học phần này cũng cung cấp cho sinh viên kiến thức giao tiếp thực tế trong môi trường làm việc thể hiện qua nội dung trong các bài tập tình huống cụ thể tại công sở, cung cấp kiến thức từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về kinh tế, tập trung vào các mảng đề tài như: mô tả công việc, giới thiệu bản thân trong buổi phỏng vấn xin việc, mô tả về công ty, mô tả về sản phẩm, các hoạt động liên quan đến marketing, tài chính, kinh doanh quốc tế ... Sinh viên hiểu và vận dụng được từ vựng về các chủ đề trong lĩnh vực kinh tế để chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành vào những học kỳ sau.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

13.10 Tiếng Anh tổng quát 4

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 3
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên phát triển và vận dụng tốt các kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp trong kinh doanh ở cấp độ tiền trung cấp thông qua việc thực hành tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, như giới thiệu bản thân một cách tự tin trong các cuộc phỏng vấn việc làm, xử lý các tình huống trong công việc; vận dụng kiến thức đã học vào các công việc liên quan đến đọc hiểu tài liệu, phát triển ý tưởng logic khi viết các đoạn văn, email, tin nhắn phản hồi trong những tình huống quen thuộc, và phát triển sự hiểu biết của sinh viên về thế giới kinh doanh. Bên cạnh đó, sinh viên phát triển kỹ năng thực tế bao gồm đàm phán, thuyết trình, xây dựng mối quan hệ, nhận thức về phong cách giao tiếp và cách xử lý tốt nhất các vấn đề giao tiếp thông qua các hoạt động làm việc theo cặp, nhóm, từ đó xây dựng cho sinh viên thái độ tích cực, chủ động đáp ứng tốt hơn cho công việc trong tương lai.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tiếng Anh tổng quát 4 thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, được xây dựng dành cho sinh viên năm 2 không chuyên ngữ theo học chương trình Chuẩn. Học phần này cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về kinh tế, tập trung vào các mảng đề tài như: mô tả vị trí việc làm, mô tả về thị trường và nhu cầu của thị trường, công việc sản xuất; các hoạt động liên quan đến marketing; tài chính; kinh doanh quốc tế; môi trường làm việc. Sinh viên được trang bị từ vựng về các chủ đề trong lĩnh vực kinh tế để chuẩn bị tốt cho việc học chuyên ngành vào những học kỳ sau.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO6 (R)

13.11 Toán cao cấp **Tín chỉ: 4**

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:* Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các kiến thức về cơ sở toán học, vận dụng các công cụ toán trong phân tích kinh tế và tài chính. Nắm vững kiến thức nền tảng để nghiên cứu và áp dụng trong các học phần tiếp theo.

▪ *Tóm tắt nội dung:* Học phần tập trung vào các nội dung về kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến; Hàm nhiều biến; Các bài toán cực trị; phép tính tích phân; Phương trình vi phân.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (I); PLO5(R)

13.12 Tin học ứng dụng **Tín chỉ: 4**

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên phát triển nâng cao các kỹ năng số cần thiết như soạn thảo văn bản đúng kỹ thuật; thiết kế báo cáo khoa học đạt chuẩn; soạn bài thuyết trình ấn tượng; khai thác xử lý dữ liệu với bảng tính, tìm kiếm tài liệu trên Internet hiệu quả, từ đó ứng dụng vào những hoạt động học tập cũng như làm việc sau này. Bên cạnh đó, sinh viên còn vận dụng được các kiến thức và kỹ năng cần thiết như khai thác sử dụng không gian đám mây (cloud); sử dụng các phần mềm trực tuyến (online app); thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến (online survey) và thu thập, xử lý kết quả khảo sát để thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Tin học ứng dụng phát triển kỹ năng soạn thảo văn bản đúng kỹ thuật, đúng quy cách; trình bày báo cáo khoa học; soạn bài thuyết trình ấn tượng; xử lý dữ liệu với bảng tính, phân tích dữ liệu, tìm kiếm tài liệu trên Internet. Thông qua học phần này, người học có thể phát triển các kỹ năng số như khai thác không gian đám mây; sử dụng các phần mềm

trực tuyến; thiết kế biểu mẫu khảo sát trực tuyến. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho người học các kiến thức thích ứng Cách mạng công nghiệp 4.0 như chuyển đổi số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, chuỗi khối, Internet vạn vật và các công nghệ nổi bật khác trong kỷ nguyên số. Bên cạnh đó, học phần Tin học ứng dụng đảm bảo cung cấp các kiến thức hỗ trợ chuẩn đầu ra Tin học của trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2 (R)

13.13 Kinh tế vi mô 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các khái niệm cung cầu, cách thức ra quyết định của người tiêu dùng, sự vận hành của các loại thị trường; Cách thức ra quyết định của các doanh nghiệp trong các loại thị trường.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Kinh tế vi mô tập trung vào một số nội dung quan trọng như những vấn đề kinh tế cơ bản về thị trường: Lý thuyết cầu, cung; Độ co giãn cầu cung, Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết về sản xuất, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp; Quan hệ cung cầu về lao động, vốn, đất đai trên thị trường các yếu tố đầu vào; Các quyết định về giá, sản lượng và chiến lược cạnh tranh của doanh nghiệp hoạt động trên các thị trường khác nhau cũng như những hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của Chính phủ.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5 (R), PLO9 (R).

13.14 Kinh tế vĩ mô 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được cách thức vận hành của tổng thể nền kinh tế; nhận biết được những chỉ tiêu đo lường các biến kinh tế vĩ mô; giải thích mối quan hệ tương tác giữa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và đánh giá tác động của các chính sách của chính phủ để điều tiết nền kinh tế giúp cho nền kinh tế ổn định, tăng trưởng...

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần kinh tế vĩ mô giới thiệu một số nội dung cơ bản như Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Tổng cầu và chính sách tài khóa; Tiền tệ và chính sách tiền tệ; Tổng cung và chu kỳ kinh doanh; các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế; Thất nghiệp và lạm phát; Tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái, chính sách thương mại và các phối hợp chính sách kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5 (R), PLO9 (R).

13.15 Nguyên lý kế toán

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

- Hiểu rõ những nội dung cơ bản về kế toán.

- Vận dụng quy trình và các phương pháp kế toán để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp.

- Có ý thức tuân thủ những nguyên tắc, quy định pháp lý của kế toán. Tự chủ trong việc đưa ra các ý kiến, nhận xét về các tình huống liên quan đến kế toán.

▪ *Tóm tắt nội dung học phần:* Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán để phản ánh quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1 (R), PLO5 (R)

13.16 Nguyên lý marketing

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về marketing bao gồm khái niệm, vai trò, nguyên tắc, quy trình và các nội dung phối thức marketing. Trên cơ sở các kiến thức căn bản, sinh viên có thể nhận dạng, phân biệt các hoạt động marketing trên thực tế. Bên cạnh đó, sinh viên có thể đề xuất và đánh giá các hoạt động marketing của doanh nghiệp. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cũng có thể phát huy kỹ năng học tập và tự nghiên cứu sâu hơn về marketing cũng như sẵn sàng hướng dẫn hỗ trợ người khác trong việc nghiên cứu và thực hành các hoạt động marketing ở cấp độ căn bản.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung học phần Nguyên lý marketing bao gồm 9 chương, trước hết làm rõ các khái niệm cơ bản của marketing như khái niệm, vai trò, chức năng và quy trình marketing, khái niệm về phối thức marketing, các vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing cũng như các thay đổi của marketing trong bối cảnh hiện tại. Học phần cũng phân tích nội dung các hoạt động marketing như phân tích môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược marketing và các chiến lược bộ phận gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5(R), PLO9(R).

13.17 Quản trị học

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức cơ bản về chức năng quản trị trong tổ chức như hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động của tổ chức. Bên cạnh những chức năng, kiến thức cơ bản, những kỹ năng quản trị sẽ giúp cho người học phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề trong tổ chức nhằm đạt đến hai mục tiêu cốt lõi: hiệu quả cao và sự bình ổn tương đối của tổ chức. Người học có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng quản trị để thực hiện một số công việc, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác làm việc của cá nhân và của nhóm để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp liên quan trong thực tế công việc sau này.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Quản trị học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành quản trị kinh doanh và các ngành khác thuộc khối kinh tế. Quản trị học là học phần nghiên cứu các chức năng quản trị trong tổ chức bao gồm hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, và kiểm soát. Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hành các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức. Đồng thời, học phần này tạo tiền đề cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách thức giải quyết vấn đề về quản trị của tổ chức.

Hình thức tổ chức dạy học: sinh viên học lý thuyết trên lớp với giảng viên; đồng thời thực hành những kỹ năng quản trị thông qua các bài tập, thảo luận nhóm với sự hướng dẫn và giám sát của giảng viên phụ trách học phần trong và ngoài giờ học.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(I), PLO5 (I), PLO10 (R)

13.18 Tiền tệ - Ngân hàng và thị trường tài chính 1 **Tín chỉ: 3**

❖ Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, kinh tế vĩ mô 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu các vấn đề liên quan đến tiền tệ, lạm phát, tín dụng, lãi suất, tỷ giá và các vấn đề liên quan đến hệ thống tài chính; cách thức hoạt động của ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương trong hệ thống tài chính. Sinh viên tính toán và giải quyết được các bài toán kinh tế cơ bản như tính lãi suất, tỷ suất sinh lợi, lựa chọn cơ hội đầu tư cũng như đưa ra được những nhận định cá nhân về các vấn đề liên quan đến tiền tệ, ngân hàng, thị trường tài chính thông qua các tình huống thực tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung học phần sẽ khái quát các phạm trù liên quan đến tài chính – tiền tệ - ngân hàng, các thuật ngữ gắn liền với các hoạt động kinh tế diễn ra hàng ngày: Tiền tệ, lãi suất, tín dụng ngân hàng, tỷ giá, lạm phát, vốn,... Bên cạnh thị trường hàng hóa, dịch vụ, còn có các thị trường tài chính, là những cấu phần không thể thiếu trong nền kinh tế và cũng là thị

trường tác động mạnh mẽ đến hiệu quả của cả nền kinh tế. Các thị trường này điều tiết dòng vốn cho mọi hoạt động kinh tế, cung cấp thêm cơ hội đầu tư, công cụ phòng vệ rủi ro đồng thời góp phần làm tăng thanh khoản cho cả nền kinh tế. Các thị trường tài chính tiêu biểu gồm: thị trường trái phiếu, thị trường cổ phiếu, thị trường tiền tệ, thị trường vốn,... Học phần cũng đưa ra những bài thực hành cơ bản về đầu tư như: tính tỷ suất sinh lợi của một khoản đầu tư, so sánh các cơ hội đầu tư, so sánh giữa lợi ích và rủi ro, đưa ra các quyết định đầu tư cơ bản giữa trên các tín hiệu thị trường.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO01(I), PLO05(R), PLO09(M)

13.19 Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Toán cao cấp.
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết về mẫu ngẫu nhiên, bài toán ước lượng và kiểm định thống kê. Xây dựng và đưa ra các mô hình xác suất và thống kê để giải quyết các bài toán liên quan trong lĩnh vực kinh tế, tài chính và quản trị.

- *Tóm tắt nội dung:*

Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của hiện tượng ngẫu nhiên và cách tính xác suất của biến cố ngẫu nhiên cùng các đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Mẫu ngẫu nhiên, Ước lượng tham số của mẫu, kiểm định giả thuyết thống kê và ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: PLO1 (I); PLO5(R)

13.20 Cơ sở dữ liệu

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Tin học ứng dụng
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*

Học phần giúp sinh viên hiểu được các khái niệm về dữ liệu, thông tin, cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, ứng dụng của cơ sở dữ liệu trong các lĩnh vực khác nhau, các mô hình dữ liệu thông dụng. Biết cách thực hiện chuyển đổi các thành phần và mối quan hệ của mô hình thực thể - kết hợp sang mô hình quan hệ. Áp dụng được các phép toán đại số quan hệ và ngôn ngữ truy vấn SQL để giải quyết yêu cầu truy vấn. Sử dụng được công cụ phần mềm để thực hiện câu lệnh truy vấn, tạo cơ sở dữ liệu, sao lưu và phục hồi cơ sở dữ liệu. Xác định và cài đặt được ràng buộc toàn vẹn dữ liệu, phụ thuộc hàm, bao đóng, phủ tối thiểu, khóa trong cơ sở dữ liệu và chuẩn hóa khi phân tích, thiết kế cơ sở dữ liệu. Xác định được dạng chuẩn và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu, tập trung

các kiến thức liên quan đến mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ. Sinh viên được học các kiến thức về mô hình thực thể kết hợp, mô hình quan hệ và đại số quan hệ, chuyển đổi mô hình thực thể kết hợp sang mô hình quan hệ, phụ thuộc hàm, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu quan hệ và ngôn ngữ truy vấn SQL thông qua các ngôn ngữ con gồm: ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu (DDL), ngôn ngữ thao tác dữ liệu (DML), ngôn ngữ điều khiển dữ liệu (DCL).

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(M), PLO07(M), PLO09(M)

13.21 Cơ sở lập trình

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Tin học ứng dụng
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể vận dụng ngôn ngữ lập trình để viết các chương trình giải quyết vấn đề để diễn đạt/thực hiện/giải quyết các vấn đề thực tế bằng máy tính.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này gồm các nội dung chính như sau: (1) Giới thiệu khái quát lịch sử ngôn ngữ lập trình và vai trò của nó trong cách mạng công nghiệp 4.0. (2) Ngữ nghĩa cú pháp ngôn ngữ lập trình. (3) Nguyên lý hướng đối tượng. (4) Các thư viện phổ biến nhất hỗ trợ lập trình. (5) Xây dựng các ứng dụng bằng lập trình.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(M), PLO07(M), PLO09(M)

13.22 Phân tích dữ liệu với Python

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Ngôn ngữ lập trình Python
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể vận dụng ngôn ngữ lập trình python để xử lý, phân tích và trực quan hóa các kết quả dựa trên bộ dữ liệu thực tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản để phân tích dữ liệu như các kiến thức tổng quan về phân tích dữ liệu, tiền xử lý dữ liệu, phân tích và trực quan dữ liệu, các thư viện trong phân tích dữ liệu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(M), PLO07(M), PLO09(M)

13.23 Tiền số và công nghệ blockchain

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Tiền tệ, thị trường tài chính và ngân hàng 1
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này nhằm cung cấp tổng quan các kiến thức, kỹ năng, và tính tự chủ về chủ

đề tiền điện tử và blockchain có liên quan đến lĩnh vực Tài chính Ngân hàng, bao gồm các nội dung như cơ chế vận hành, ứng dụng, rủi ro và các qui định có liên quan.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần trang bị cho kiến thức về cách thức các nguyên tắc Tài chính Ngân hàng tác động đến việc thiết kế và vận hành của các loại tiền điện tử, cơ chế vận hành của tiền điện tử và đợt phát hành lần đầu (ICO - Initial Coin Offering). Hiểu được tác động tiềm năng mà blockchain có thể áp đặt lên các khía cạnh khác nhau của quản trị doanh nghiệp và các khuôn khổ quy định và cách chúng tương tác với ngành công nghiệp blockchain.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(M), PLO07(M), PLO09(M)

13.24 Nguyên lý và thực hành bảo hiểm

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tiền tệ, thị trường tài chính và ngân hàng 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản và các nguyên tắc hoạt động của bảo hiểm và các nghiệp vụ bảo hiểm chủ yếu trên thị trường bảo hiểm. Phân tích đánh giá thách thức và cơ hội thị trường bảo hiểm và các Doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam. Vận dụng các kiến thức về các nghiệp vụ bảo hiểm (nhân thọ, phi nhân thọ) trong cuộc sống và công việc.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về bảo hiểm thương mại; sự cần thiết của bảo hiểm đối với kinh tế xã hội; Các nguyên tắc hoạt động cơ bản bảo hiểm; Các quy định pháp luật liên quan đến bảo hiểm; Hoạt động của thị trường bảo hiểm; Các nghiệp vụ bảo hiểm chủ yếu, đặc điểm riêng có của từng nghiệp vụ (tài sản, con người, trách nhiệm).

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(M), PLO07(M), PLO09(M)

13.25 Đạo đức nghề nghiệp trong Fintech

Tín chỉ: 2

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp các kiến thức về các quy tắc ứng xử nghề lập trình viên như không tạo hoặc phân phối các phần mềm độc hại, không viết các tài liệu cố ý gây nhầm lẫn hoặc không chính xác, không dùng lại mã nguồn có bản quyền mà chưa mua hay chưa được phép.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần truyền đạt các chuẩn mực đạo đức chủ yếu của viện CFA trong điều kiện phát triển các ứng dụng trên nền tảng công nghệ. Bằng việc dẫn chứng các vụ bê bối tài chính, Học phần nêu bật tầm quan trọng của các chuẩn mực đạo đức trong hoạt động tài

chính và cho các cử nhân công nghệ tài chính trong tương lai.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03 (M), PLO07 (M), PLO09 (M)

13.26 Tài chính doanh nghiệp 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường Tài chính 1, Nguyên lý kế toán

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này sinh viên biết được mục tiêu của tài chính doanh nghiệp, hiểu và tính toán được giá trị tiền tệ theo thời gian, phân tích và đánh giá các nguồn tài trợ cho doanh nghiệp, hoạch định nguồn vốn tài trợ trong doanh nghiệp, quản trị các tài sản ngắn hạn, định giá chứng khoán và thẩm định tài chính của các dự án đầu tư dài hạn trong và ngoài nước.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Tài chính doanh nghiệp là một Học phần chuyên ngành cần thiết cho sinh viên theo học ngành Công nghệ tài chính. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tài chính trong doanh nghiệp về giá trị tiền tệ theo thời gian, định giá chứng khoán, chi phí sử dụng vốn, đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp và quản trị vốn lưu động của doanh nghiệp nhằm hỗ trợ việc ra các quyết định trong quản trị tài chính trong doanh nghiệp

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03 (M), PLO07 (M), PLO09 (M)

13.27 Ngân hàng thương mại

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu được tổng quan các hoạt động của ngân hàng thương mại và phân tích được về mặt lý luận cũng như kỹ thuật các nghiệp vụ của Ngân hàng thương mại hiện đại. Học phần cung cấp nền tảng kiến thức để sinh viên ra trường có thể đảm nhận các vị trí công việc tại ngân hàng như: giao dịch viên, tín dụng, thanh toán quốc tế, ngân quỹ.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung Học phần sẽ khái quát cách thức tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại. Học phần tập trung nghiên cứu các khái niệm, đặc điểm, vai trò và kỹ thuật nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng như: huy động vốn, cấp tín dụng, thanh toán qua ngân hàng, kinh doanh ngoại hối. Ngoài ra, người học có cơ hội tiếp cận với phần mềm mô phỏng core banking tại phòng thực hành để có những trải nghiệm thực tế về môi trường làm việc tại ngân hàng. Bên cạnh đó, Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức cần thiết về các nghiệp vụ tín dụng ngắn hạn cũng như trung và dài hạn trong các NHTM hiện nay. Học phần được thiết kế để cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng cơ bản nhằm tạo

điều kiện cho sinh viên khi tốt nghiệp ra trường dễ dàng tiếp cận với môi trường làm việc tại các NHTM. Sinh viên có thể ứng dụng những kiến thức đã học trong công tác thực tiễn tại các NHTM nói riêng cũng như các định chế tài chính trung gian nói chung.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03 (M), PLO07 (M), PLO09 (M)

13.28 Tài chính quốc tế

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể nhận biết và giải thích các vấn đề cơ bản về tài chính quốc tế vĩ mô dựa trên các lý thuyết ngang bằng quốc tế, phân tích và dự báo biến động tỷ giá cũng như lựa chọn các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá phù hợp. Sinh viên sẽ tự tin làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước, có thể phát huy tư duy sáng tạo và linh hoạt trong việc đưa ra những quyết định tài chính khi thực hiện mua/bán ngoại tệ, phòng ngừa rủi ro tỷ giá cũng như lựa chọn các hình thức kinh doanh ngoại hối phù hợp với tình hình biến động thị trường tài chính quốc tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Tài chính quốc tế là Học phần quan trọng thuộc khối kiến thức ngành của ngành Công nghệ tài chính. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về thị trường tài chính quốc tế, hoạt động chu chuyển vốn giữa các quốc gia, thị trường phái sinh tiền tệ với các vấn đề liên quan tới biến động tỷ giá và phòng ngừa rủi ro tỷ giá. Bên cạnh đó, nội dung Học phần cũng giải thích, làm rõ mối tương quan giữa các thị trường và nền kinh tế các quốc gia thông qua những lý thuyết về quan hệ ngang bằng quốc tế giữa giá cả, lãi suất và tỷ giá. Đồng thời các yếu tố tác động tỷ giá, hệ thống tiền tệ quốc tế và các lựa chọn chính sách tỷ giá của chính phủ trong mối quan hệ với chính sách tiền tệ và hội nhập tài chính, chính sách ngoại thương cũng sẽ được phân tích. Ngoài ra, Học phần cũng chú trọng thực hành thảo luận, phân tích và xử lý tình huống liên quan đến quan hệ tài chính quốc tế; quản trị rủi ro tỷ giá trong các hoạt động thương mại hay đầu tư quốc tế; cũng như các giải pháp ứng phó với các vấn đề khủng hoảng tài chính toàn cầu.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(M), PLO07(M), PLO09(M)

13.29 Kinh tế lượng

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về phân tích tương quan và hồi quy; xây dựng mô hình ước lượng và kiểm định cho các hệ số hồi quy; Kiểm định sự phù hợp của mô hình và các giả thuyết trên các mô hình. Ứng dụng vào phân tích và dự báo cho các vấn đề liên quan đến Tài chính, kinh tế và quản trị. Làm công cụ nền tảng cho các học phần sau.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy đa biến, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(M), PLO07(M), PLO09(M)

13.30 Thực hành nghề nghiệp 1

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại; Tài chính doanh nghiệp 1; Nguyên lý và thực hành bảo hiểm

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Giúp sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành. Tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng với công việc sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Sinh viên tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực công nghệ tài chính. Hoạt động thực hành nghề nghiệp 1 được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động tham quan thực tế tại doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp. Kết thúc hoạt động này, sinh viên hoàn thành Báo cáo thực hành nghề nghiệp 1 để xác định tổng quan và nhận xét về các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,...liên quan đến các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.31 Thực hành nghề nghiệp 2

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thực hành nghề nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần Thực hành nghề nghiệp 2, sinh viên được củng cố và đánh giá những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Công nghệ tài chính: Củng cố và đánh giá được những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Công nghệ tài chính; Vận dụng được những kiến thức đã học để có thể đánh giá các hoạt động thực tiễn; Nhận diện được các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị, quy trình hoạt động, xu thế mới,...liên quan đến ngành Công nghệ tài chính.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Thực hành nghề nghiệp 2 là yêu cầu bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân ngành công nghệ tài chính nhằm giúp sinh viên củng cố và nhận định những kiến thức lý thuyết thông qua hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực công nghệ tài chính. Trong học phần này, sinh viên yêu cầu tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực công nghệ tài chính. Hoạt động thực hành nghề nghiệp 2 được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động tham quan thực tế tại doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp. Kết thúc hoạt động này, sinh viên yêu cầu hoàn thành Báo cáo thực hành nghề nghiệp 2 để nhận diện và đánh giá, so sánh các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,... liên quan đến lĩnh vực công nghệ tài chính.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.32 Dữ liệu lớn và khai thác dữ liệu

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu được các khái niệm, các kỹ thuật, các công cụ và công nghệ liên quan đến dữ liệu lớn. Đồng thời, người học cũng được trang bị một số kỹ năng mềm bao gồm: kỹ năng tìm kiếm, chọn lọc và tổng hợp tài liệu, kỹ năng viết và trình bày báo cáo, kỹ năng làm việc nhóm.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này cung cấp kiến thức tổng quan về các khái niệm, các kỹ thuật, các công cụ và công nghệ liên quan đến dữ liệu lớn. Người học sẽ hiểu được các mô hình lưu trữ khác nhau, các phương pháp xử lý và các công cụ báo cáo có sẵn để làm việc với Big data. Quan trọng hơn là người học sẽ hiểu được các chức năng cốt lõi của mỗi thành phần trong big data và biết cách tích hợp nó để tạo thành giải pháp thống nhất mang lại lợi ích kinh doanh.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.33 Quản trị rủi ro tài chính

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1, Tài chính quốc tế

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sinh viên học xong học phần có khả năng: Hiểu được các kiến thức nền tảng về quản trị rủi ro tài chính; Nhận diện và kiểm soát được các loại rủi ro tài chính trong doanh nghiệp và ngân hàng; Tuân thủ các quy định về rủi ro của pháp luật trong thực hành công việc.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Quản trị rủi ro tài chính được thiết kế là học phần chuyên ngành cho chương trình đào tạo cử nhân Công nghệ tài chính. Học phần này nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng ứng dụng các công cụ tài chính phái sinh vào quản lý rủi ro tài chính cho doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Cụ thể, Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về: nhận dạng các loại rủi ro tài chính phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp và của ngân hàng thương mại, ứng dụng các công cụ tài chính phái sinh để quản lý rủi ro biến động giá cả, rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá đối với các doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Ngoài ra, Học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức và các thủ thuật quản trị rủi ro do sử dụng nợ, rủi ro trong đầu tư, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản đối với doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.34 Phân tích Tài chính doanh nghiệp

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ: Nắm được mục tiêu, nội dung và các phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp; Hiểu được kết cấu, nội dung và mối liên hệ giữa các báo cáo tài chính; Phân tích được tình hình huy động vốn và sử dụng vốn; Phân tích được tình hình biến động tài sản và nguồn vốn; Phân tích được khả năng thanh toán; Phân tích được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các nhân tố ảnh hưởng; Phân tích được hiệu quả sử dụng tài sản và vốn; Phân tích được tình hình lưu chuyển tiền tệ và khả năng tạo tiền; Phân tích được rủi ro đối với doanh nghiệp; Dự báo được tài chính doanh nghiệp.

▪ Tóm tắt nội dung:

Môn Phân tích tài chính doanh nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về phân tích tài chính và các điều kiện để ra quyết định sau phân tích tài chính. Nội dung chính của học phần tập trung giới thiệu các kiến thức và kỹ năng, phương pháp phân tích tài chính trên góc độ nhà quản trị tài chính doanh nghiệp, tập trung vào 3 hoạt động tài chính cơ bản của doanh nghiệp: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư. Học phần cũng cung cấp hệ thống các chỉ tiêu tài chính được sử dụng để phân tích bao gồm: Chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán, hiệu suất hoạt động, khả năng cân đối vốn và khả năng sinh lời. Từ các kết quả phân tích tài chính, trên góc độ nhà quản trị tài chính doanh nghiệp, học phần cũng hướng dẫn cách thức đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp cải thiện tình hình tài chính, từ đó, xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn và dự báo BCTC.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.35a Ngân hàng số

Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản của ngân hàng số như dữ liệu lớn (big data), chuỗi khối (blockchain), vạn vật kết nối internet (internet of things) và các chiến lược ngân hàng số; Hiểu được nguyên nhân dẫn đến xu hướng số hóa các hoạt động ngân hàng, cơ hội và thách thức đối với các thành phần tham gia cung cấp dịch vụ ngân hàng; Hiểu được nguyên nhân, thực trạng và xu hướng của ngân hàng số tại Việt Nam và các nước khác trên thế giới; Hiểu được các thành phần tham gia vào quy trình số hóa các hoạt động ngân hàng, thách thức và cơ hội của từng đối tượng cũng như các yếu tố cần thiết để thành công và rào cản tham gia thị trường.

▪ Tóm tắt nội dung:

Ngân hàng số là xu hướng tất yếu và nằm trong mục tiêu chiến lược của hầu hết các ngân hàng trong kỷ nguyên số. Ba nguyên nhân chính của xu hướng số hóa các hoạt động ngân hàng là (1) sự gia tăng số lượng khách hàng sử dụng các thiết bị di động để thực hiện các dịch vụ ngân hàng; (2) nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong việc trải nghiệm các dịch vụ tài chính thông suốt, tiện lợi và chi phí thấp; (3) sự xuất hiện của các công ty công nghệ tài chính (fintech) với các ưu thế về giá, mức độ tiện lợi. Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về (1) nguyên nhân dẫn đến cuộc cách mạng số và sự cần thiết của việc số hóa các hoạt động ngân hàng; (2) các công nghệ số mà ngân hàng đang áp dụng hoặc sẽ áp dụng trong tương lai; (3) thực tế áp dụng công nghệ số tại các ngân hàng Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.35b Công nghệ bảo hiểm

Tín chỉ: 3

❖ **Học phần học trước:** Nguyên lý và thực hành bảo hiểm.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên được trang bị những kiến thức về các công nghệ kinh doanh bảo hiểm mới, hiểu và phá vỡ mô hình bảo hiểm hiện tại, chiến lược thu hút khách hàng và cách tổ chức cấu trúc công ty của bạn để tận dụng các cơ hội cải thiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm tại các công ty bảo hiểm.

▪ Tóm tắt nội dung:

Công nghệ bảo hiểm là học phần tự chọn thuộc chuyên ngành Fintech. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức để sử dụng các sáng tạo công nghệ được thiết kế để triệt để tận dụng các khoản tiết kiệm và hiệu quả từ mô hình ngành bảo hiểm hiện tại. Công nghệ bảo hiểm cung cấp các kiến thức để sinh viên khám phá các mảng kinh doanh mà các công ty bảo hiểm lớn có ít động lực để khai thác, chẳng hạn như cung cấp các chính sách cực kỳ tùy chỉnh, bảo hiểm xã hội và sử dụng các luồng dữ liệu mới từ các thiết bị kết nối internet đến việc tính phí bảo hiểm linh hoạt theo hành vi quan sát được.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(R), PLO10(M)
13.36a Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng, Cơ sở dữ liệu, Dữ liệu lớn và khai thác dữ liệu.
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần sẽ cung cấp các kiến thức về quản lý và phân tích dữ liệu, giúp người học hiểu được các nguyên lý về phân tích dữ liệu và đạt được các thông tin hỗ trợ cho quá trình quản lý và ra các quyết định tài chính. Ngoài ra, học phần trang bị cho sinh viên khả năng đưa ra kết quả của mình dưới dạng báo cáo hoặc bài thuyết trình dựa trên phân tích dữ liệu tài chính.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần sẽ cung cấp các kiến thức tổng quan về hệ quản trị cơ sở dữ liệu trong tài chính, các câu lệnh ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc để thao tác với các dữ liệu trong cơ sở dữ liệu tài chính cũng như tạo và thay đổi cấu trúc của các cơ sở dữ liệu, nghiên cứu ngôn ngữ dùng để giao tiếp giữa ứng dụng và SQL Server cho phép lập trình trên SQL Server được linh động hơn, ứng dụng mô hình ADO để phát triển các mô hình ứng dụng trong tài chính.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.36b Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng, Dữ liệu lớn và khai thác dữ liệu
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu được các khái niệm, các kỹ thuật, các công cụ và công nghệ liên quan đến dữ liệu lớn và hiểu được các nội dung trong phân tích dữ liệu lớn trong lĩnh vực tài chính. Đồng thời, người học cũng được trang bị một số kỹ năng mềm bao gồm: kỹ năng tìm kiếm, chọn lọc và tổng hợp tài liệu, kỹ năng viết và trình bày báo cáo, kỹ năng làm việc nhóm.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về dữ liệu lớn (Bigdata) trong lĩnh vực công nghệ tài chính đang được ứng dụng trong thực tiễn hiện nay, bao gồm dữ liệu lớn trong công nghệ chuỗi khối (blockchains), dữ liệu lớn trong tiền mặt mã (cryptocurrency). Học phần cũng giới thiệu các nội dung phân tích dữ liệu nói chung trong dịch vụ tài chính nói chung và dữ liệu lớn trong lĩnh vực tài chính ngang hàng (cho vay ngang hàng, gọi vốn cộng đồng), ví điện tử, quản lý tài sản trên nền tảng công nghệ mới. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức về mô hình khai thác dữ liệu lớn trong thời gian thực của các hệ thống sàn giao dịch tiền điện tử tập trung CEX và những

sản tài chính phi tập trung DEX

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.37a Máy học và trí tuệ nhân tạo (Fintech)

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Phân tích dữ liệu với Python
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi hoàn tất học phần này người học có thể áp dụng học máy giải quyết các vấn đề thực tế mà họ có thể gặp phải trong cuộc sống thực, bao gồm: (1) hiểu vấn đề nằm ở đâu trong bối cảnh chung của các phương pháp học máy hiện có, (2) hiểu các phương pháp học máy cụ thể nào sẽ phù hợp nhất để giải quyết vấn đề và (3) có khả năng hướng dẫn triển khai thành công giải pháp học máy để giải quyết vấn đề thực tế trong lĩnh vực tài chính.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này giới thiệu và cung cấp một góc nhìn tổng quan về học máy và trí tuệ nhân tạo với trọng tâm là các ứng dụng về tài chính ngân hàng. Các nội dung chính của học phần này bao gồm tổng quan về học máy và trí tuệ nhân tạo, xây dựng mô hình học máy, các phương pháp học máy áp dụng trong lĩnh vực tài chính và mô hình chuỗi thời gian.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.37b Robotic Process Automation

Tín chỉ: 3

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi hoàn tất học phần này người học có thể hiểu được kiến thức liên quan đến khái niệm, xu hướng và hoạt động của Robotic Process Automation (RPA -Tự động hóa quy trình bằng robot) và các lợi ích từ RPA. Bên cạnh đó, người học có thể thiết kế, vận hành và phát triển quy trình tự động hóa nhằm tạo ra các tiện ích cho doanh nghiệp và khách hàng.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản và quy trình phát triển các ứng dụng về Robot Process Automation trong doanh nghiệp. Cụ thể, phương pháp lập kế hoạch dự án và một số quy trình phát triển ứng dụng. Ngoài ra, một số nghiệp vụ phổ biến trong kinh doanh sẽ được mô tả và ứng dụng để minh họa cho các khối kiến thức đã học. Sinh viên sẽ áp dụng kiến thức đã học để nắm bắt, giải quyết các vấn đề dựa trên tình huống thực tiễn trong việc áp dụng tự động hóa quy trình nghiệp vụ và cách sử dụng phần mềm để đạt được kết quả.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A), PLO08(A), PLO10(M)

13.38a Công nghệ Tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử (E-payment)

system & Cryptocurrency Technologies)**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại.
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu được tổng quan về các loại tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử. Bên cạnh đó, sinh viên có thể thiết kế, vận hành và phát triển hệ thống thanh toán điện tử, tạo ra các tiện ích cho doanh nghiệp và khách hàng. Ngoài ra, sinh viên có khả năng bảo mật hệ thống thanh toán điện tử.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về các loại tiền điện tử và hệ thống thanh toán điện tử; quy trình thiết kế, vận hành, phát triển và bảo mật hệ thống thanh toán tiền điện tử.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

13.38b Phát triển hệ thống thương mại điện tử**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Không.
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể hiểu được tổng quan về thương mại điện tử và phát triển hệ thống thương mại điện tử. Phát triển hệ thống thương mại điện tử yêu cầu sự hiểu biết và hợp tác giữa nhà phát triển hệ thống và người sử dụng. Thông qua học phần này, sinh viên có thể hiểu được vai trò của những chủ thể tham gia trong quá trình phát triển hệ thống thương mại điện tử. Ngoài ra, sinh viên có khả năng thiết kế, xây dựng, vận hành và phát triển hệ thống thương mại điện tử.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thương mại điện tử và phát triển hệ thống thương mại điện tử, bao gồm: cơ sở hạ tầng thương mại điện tử; các mô hình kinh doanh trong thương mại điện tử; vấn đề công nghệ trong thương mại điện tử; vấn đề bảo mật khi thực hiện giao dịch thương mại điện tử; quy trình thiết kế, xây dựng, vận hành và phát triển hệ thống thương mại điện tử.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

13.39 Sáng tạo và khởi nghiệp trong Fintech (Innovation & Entrepreneurship in Fintech)**Tín chỉ: 3**

- ❖ Học phần học trước: Không
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

- *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong Học phần này, sinh viên khi làm việc tại các doanh nghiệp trong

lĩnh vực công nghệ tài chính có thể hiểu được mức độ lan tỏa của Fintech và độ nhạy của cả khía cạnh cung và cầu của thị trường phát kiến FinTech. Đây là điều kiện thiết yếu cho sự hình thành và phát triển của một hệ sinh thái khởi nghiệp FinTech, là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế số. Việt Nam hiện tại có nhiều điều kiện thuận lợi để thúc đẩy khởi nghiệp FinTech, bên cạnh những thách thức không nhỏ.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng tư duy cần thiết trong thiết kế, xây dựng và triển khai các dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ tài chính trên nền tảng tạo ra các sản phẩm, dự án trên nền tảng công nghệ mang tính đổi mới, sáng tạo.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO03(R), PLO07(R), PLO09(M)

13.40a Khóa luận tốt nghiệp

Tín chỉ: 6

❖ Điều kiện tiên quyết Theo điều kiện về thực hiện Khóa luận tốt nghiệp của Trường.

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận tình hình hoạt động thực tế tại một tổ chức, từ đó quan sát, đối chiếu so sánh, học hỏi và áp dụng lý thuyết đã học vào thực tế. Sinh viên biết vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ. Rèn luyện khả năng tự nghiên cứu, và thích ứng ngay được với công việc thực tế sau khi tốt nghiệp.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Sinh viên tham gia đầy đủ các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực công nghệ tài chính. Hoạt động thực tập được thực hiện theo kế hoạch hợp tác của doanh nghiệp và nhà trường thông qua nhiều hình thức khác nhau như: hoạt động tham quan thực tế tại doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu các tài liệu công bố thông qua hoạt động quan sát, tìm hiểu và tác nghiệp vào một số nghiệp vụ tài chính của doanh nghiệp. Kết thúc hoạt động này, sinh viên hoàn thành Luận văn khóa luận tốt nghiệp để xác định tổng quan và nhận xét về các vấn đề như vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, các sản phẩm của đơn vị,...liên quan đến ngành công nghệ tài chính.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A); PLO08(A); PLO10(M)

13.40b1 Thực tập cuối khóa

Tín chỉ: 3

❖ Điều kiện tiên quyết Theo điều kiện về Thực tập cuối khóa của Trường.

❖ Học phần học trước: Ngân hàng thương mại; Tài chính doanh nghiệp 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sinh viên vận dụng được kiến thức chuyên ngành để thực hiện các nghiệp vụ công

nghe tài chính. Sinh viên có thể phân tích ưu điểm, hạn chế của các quy trình, nghiệp vụ trong quá trình vận hành hoạt động của đơn vị, rút ra bài học kinh nghiệm đúc kết cho bản thân sau khi thực hành.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Thực tập tốt nghiệp được thực hiện với sự hướng dẫn của giảng viên được phân công. Sinh viên đi thực tập tại một đơn vị có liên quan đến công nghệ tài chính, ví dụ như là doanh nghiệp, ngân hàng, định chế tài chính phi ngân hàng, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính tiền tệ... Sinh viên vận dụng kiến thức ngành và chuyên ngành để tham gia vào các hoạt động thực tiễn, thực hành các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công nghệ tài chính. Từ đó giúp sinh viên nâng cao được kỹ năng quan sát, tổng hợp, đánh giá thông tin, vận dụng các kiến thức đã học vào sự vận hành hoạt động kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp cụ thể và giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Kết thúc quá trình thực tập, sinh viên cần hoàn thành báo cáo thực tập mô tả và phân tích ưu nhược điểm của các quy trình, nghiệp vụ, hoạt động của đơn vị mà được sinh viên thực hành, đồng thời đúc kết kinh nghiệm về kỹ năng và kiến thức để thực hiện thành thạo các nghiệp vụ và bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp trong tương lai.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A); PLO08(A); PLO10(M)

13.40b2 Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính Tín chỉ: 3

❖ Học phần học trước: Thực hành nghề nghiệp 1, 2

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể thực hiện các nghiệp vụ cơ bản của Fintech trên 4 lĩnh vực chính: lĩnh vực thanh toán (payments industry), lĩnh vực cho vay (lending industry), lĩnh vực quản lý tài sản (wealth management industry), và lĩnh vực bảo hiểm (insurance industry).

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Thực hành ứng dụng công nghệ trong tài chính giới thiệu nội dung và định hình các lĩnh vực áp dụng của công nghệ tài chính. Cụ thể ứng dụng công nghệ tài chính được phân chia theo 4 lĩnh vực chính: lĩnh vực thanh toán (payments industry), lĩnh vực cho vay (lending industry), lĩnh vực quản lý tài sản (wealth management industry), và lĩnh vực bảo hiểm (insurance industry). Học phần này giúp rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho sinh viên, từ đó giúp người học có khả năng làm việc tại doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ tài chính ngay sau khi tốt nghiệp, đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển

dụng nói riêng và của xã hội nói chung.

- ❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO04(A); PLO08(A); PLO10(M)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2023


PGS.TS Phạm Tiến Đạt

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG CTĐT**


TS. Nguyễn Minh Phúc